

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 19/10/2018

V/v “Xin Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thạch  
Các Hội thẩm nhân dân:  
1. Ông Phạm Lê Thụy  
2. Bà Trần Thị Ngọc Linh  
- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Việt Quốc, Thư ký Tòa án nhân dân huyện T  
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Đào Thanh Tuấn, Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân - Gia đình, thụ lý số: 74/2018 TLST-HNGĐ, ngày 05/3/2018, về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2018/QĐXX ngày 05/8/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2018/QĐ-HPT ngày 21/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Long Thị Thu D**, sinh năm 1990  
Có nhân khẩu thường trú: khu phố 01, thị trấn L, huyện T, tỉnh B; hiện tạm trú: tại thôn Sông Bằng, xã Sông Bình, huyện Bắc Bình, tỉnh B  
- Bị đơn: Ông **Võ C**, sinh năm 1992  
Địa chỉ: khu phố 01, thị trấn L, huyện T, tỉnh B  
( Có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn )

**NỘI D VỤ ÁN:**

**Tại đơn xin ly hôn đề ngày 06 tháng 02 năm 2018 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Long Thị Thu D trình bày:** bà và ông Võ C xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2012 tại UBND thị trấn L. Cuộc sống của vợ chồng không đạt được hạnh phúc, nguyên nhân là do ông C không có nghề nghiệp ổn định, ăn chơi lêu lổng, chơi ma túy đá, cờ bạc, không chung thủy có nhiều mối quan hệ bất chính khác, không có trách nhiệm với vợ con, bà khuyên bảo nhiều lần, mỗi lần như thế thì ông C đánh đập bà. Do không chịu đựng được nữa, nên bà trở về nhà cha mẹ bà sinh sống từ đầu năm 2018 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa bà và ông C đã hết, hôn

nhân không đạt được hạnh phúc, nên bà quyết định yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông C.

Vợ chồng có một con chung tên Võ Hữu H, sinh ngày 23/7/2011, từ khi bà ra đi đến nay do ông C nuôi dưỡng. xét thấy gia đình bên chồng bà nuôi dưỡng và dạy dỗ đảm bảo cuộc sống tốt cho con, nên bà để lại cho ông C tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con cho đến khi thành niên, hiện nay bà còn khó khăn, nên bà không cấp dưỡng nuôi con.

Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

**Tại biên bản lấy lời khai bị đơn ông Võ C trình bày:** ông và bà D xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2012 tại UBND thị trấn L. Cuộc sống của vợ chồng theo ông là hạnh phúc, mặc dù đôi lúc ông có đam mê cờ bạc, đánh đập chửi mắng vợ, vợ chồng ông đã sống ly thân từ tháng 12/2017 đến nay không ai quan tâm đến ai, nhưng vì tình cảm ông vẫn còn thương vợ nên ông không đồng ý ly hôn.

Vợ chồng có một con chung tên Võ Hữu H, sinh ngày 23/7/2011, hiện ông nuôi dưỡng. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con cho đến khi thành niên, không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con.

Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

**Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu:**

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng pháp luật.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội, xử:

- Về hôn nhân: bà Long Thị Thu D được ly hôn với ông Võ C.

- Về con chung: giao con là Võ Hữu H, sinh ngày 23/7/2011 cho ông C tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên.

- Về án phí: Bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà D vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông C. xét yêu cầu của nguyên đơn và nơi cư trú của bị đơn, thì đây là vụ kiện “Xin ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T - tỉnh B.

- Đối với bị đơn ông C, sau khi Tòa án lấy lời khai ông lần thứ nhất vào ngày 03/4/2018, thì ông cố tình lẩn tránh không đến Tòa án làm việc. Tòa án đã tiến hành

tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông, nhưng ông cũng không đến tòa để tham gia tố tụng, do đó áp dụng b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn

**[2] Về nội D vụ án và yêu cầu của đương sự:**

- Về Hôn nhân: hôn nhân giữa bà D và ông C được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L theo Giấy chứng nhận kết hôn số 321 quyền số II/2012 ngày 26/11/2012, tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Trong thời gian chung sống bà D cho rằng, cuộc sống của vợ chồng không đạt được hạnh phúc, nguyên nhân là do ông C không có nghề nghiệp ổn định, ăn chơi lêu lổng, chơi ma túy đá, cờ bạc, không chung thủy có nhiều mối quan hệ bất chính khác, không có trách nhiệm với vợ con, bà khuyên bảo nhiều lần, mỗi lần như thế thì ông C đánh đập bà, do không chịu đựng được nữa, nên khoảng đầu tháng 12 năm 2017 bà đã về lại nhà cha mẹ ruột bà sống ly thân cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Trong quá trình lấy lời khai mặc dù ông C cho rằng vợ chồng sống hạnh phúc, ông vẫn còn thương vợ, không đồng ý ly hôn, nhưng ông thừa nhận trong thời gian chung sống đôi lúc ông có đam mê cờ bạc, đánh đập chửi mắng vợ, vợ chồng ông đã sống ly thân từ tháng 12/2017 đến nay không ai quan tâm đến ai, chứng tỏ rằng ông C đã có hành vi bạo lực gia đình, vi phạm nghiêm trọng đến quyền và nghĩa vụ của bà D làm cho hôn nhân của họ lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài được nữa. Do đó yêu cầu xin được ly hôn của bà D là chính đáng, Hội đồng xét xử, nhận thấy yêu cầu xin ly hôn của bà D là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: có 01 con chung tên Võ Hữu H, sinh ngày 23/7/2011, từ khi bà D ra đi sống ly thân cho đến nay, con do ông C nuôi dưỡng. xét thấy bà D không tranh chấp việc nuôi con, và ông C có yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con. Để đảm bảo tính ổn định trong cuộc sống và sinh hoạt của con, nên cần được duy trì quyền trực tiếp nuôi con đối với ông C.

- Về tài sản chung và nợ chung: bà D và ông C đều khai là không có, nên không xem xét giải quyết.

**[3] Về án phí:** bà D là nguyên đơn phải chịu án phí theo luật định.

**[4] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát** tại phiên tòa hôm nay, là phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định như trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên,

**QUYẾT ĐỊNH :**

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, khoản 1 khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

**Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà Long Thị Thu D ly hôn với ông Võ C.

2. Về con chung: giao con chung tên Võ Hữu H, sinh ngày 23/7/2011 cho ông C được tiếp tục quyền trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục Võ Hữu H cho đến khi con đủ tuổi thành niên; Ông C không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con. Ông C không được ngăn cản quyền gặp gỡ, thăm nom và chăm sóc con chung đối với bà D

3. Về tài sản chung và nợ chung: không có

4. Về án phí: bà D phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000đồng tạm ứng án phí của bà D nộp tại biên lai thu tiền số 0019009 ngày 05/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

5. Quyền kháng cáo: án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (19/10/2018). Đối với bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- VKS (tỉnh + huyện);
- Tòa án tỉnh;
- Chi cục THA huyện;
- Dương sự
- Lưu hồ sơ.

**Nguyễn Văn Thạch**